TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2026/DS-PT
Ngày: 22– 6 – 2026
V/v: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hà.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường.

2. Ông Lê Trúc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 514/2026/TLPT-DS ngày 01/12/2025 về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2026/QĐ-PT ngày 02/02/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 257/2026/QĐ-PT ngày 02/03/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1946; Địa chỉ: Ấp T, phường M, tỉnh Cần Thơ: Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc C, sinh năm 1979; địa chỉ: D L, xã K, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt

- Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: B L, xã K, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt.

2. Ông Lê Văn S, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk:

Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn A, xã K, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt.

4. Ông Lê Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt.

5. Bà Lê Thị K, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt.

6. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt.

7. Bà Đinh Thị Kim N1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: B L, xã K, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Lê Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Võ Ngọc C trình bày:*

Ông Lê Văn L, sinh năm 1923 (tên gọi khác là Lê L), ông L chết năm 2005. Ông L chết không để lại di chúc.

Vợ ông L là bà Nguyễn Thị N2, chết năm 2013. Quá trình sinh sống ông L và bà N2 có 07 người con chung là ông Lê Văn S, sinh năm 1954; bà Lê Thị H1, sinh năm 1956; ông Lê Văn D, sinh năm 1957; bà Lê Thị T, sinh năm 1961; bà Lê Thị K, sinh năm 1966; bà Lê Thị H2, sinh năm 1964; ông Lê Văn H, sinh năm 1974. Nguyên đơn bà Lê Thị P, sinh năm 1946 là con riêng của ông Lê Văn L và bà Hoàng Thị X, bà X chết năm 1954.

Quá trình sinh sống, ông Lê Văn L tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.061m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Ông Lê Văn L chết không để lại di chúc nên bà Lê Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Lê Văn L theo pháp luật. Bà P yêu cầu được chia giá trị 01 kỷ phần trong khối di sản do ông L để lại, tương đương với số tiền 750.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà P yêu cầu được chia giá trị 01 kỷ phần trong khối di sản cho ông L để lại tương đương với số tiền 375.000.000 đồng. Giao thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07 cho ông Lê Văn H tiếp tục quản lý, sử dụng. Ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 375.000.000 đồng.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Lê Thị N trình bày:* Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) có nguồn gốc do Nông trường cà phê Thắng Lợi cấp cho ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị N2 vào năm 1985. Đến ngày 23/10/2000, hộ ông L được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 825838 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.061m², tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi ông Lê Văn L (L) chết, năm 2012 bà N2 cùng các con là ông Lê Văn S; bà Lê Thị H1; Lê Thị T; bà Lê Thị K; bà Lê Thị H2; ông Lê Văn D và ông Lê Văn H đã lập Văn bản phân chia di sản thừa kế được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk số 4650, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/9/2012 thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với nội dung đồng ý để cho ông Lê Văn H thừa kế toàn bộ thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07. Sau đó, ông Lê Văn H đã làm hồ sơ xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 014122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/9/2019 cho ông Lê Văn H, đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.061m², tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 2023 nguyên đơn bà Lê Thị P khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Tại Bản án 34/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế được Công chứng tại Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk số 4650, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/9/2012 là vô hiệu.

Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) là tài sản chung của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị N2. Ông L, bà N2 chết không để lại di chúc. Nay bà Lê Thị P yêu cầu Tòa án phân chia phần di sản của ông Lê Văn L để lại thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với phần di sản của ông L để lại mà ông Lê Văn H được chia theo quy định của pháp luật thì ông Lê Văn H đồng ý nhận; Đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị N2 để lại thì ông Lê Văn H yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thi N3 để lại mà các anh, chị gồm ông Lê Văn S; bà Lê Thị H1; Lê Thị T; bà Lê Thị K; bà Lê Thị H2 được chia theo quy định của pháp luật. Các anh chị em đều đồng ý để thừa kế cho ông Lê Văn H thì ông H đồng ý nhận. Đồng thời, ông H đề nghị Tòa án xem xét công sức duy trì, tôn tạo đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07.

** Đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị N trình bày:* Ông Lê Văn S; bà Lê Thị H1; bà Lê Thị T; bà Lê Thị K; bà Lê Thị H2 đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là của ông Lê Văn L (Lê L) và bà Nguyễn Thị N2 là thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là E, tỉnh Đắk Lắk) theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông Lê Văn S; bà Lê Thị H1; bà Lê Thị T; bà Lê Thị K; bà Lê Thị H2 đều đồng ý giao toàn bộ phần thừa kế của mình cho ông Lê Văn H.

Bà Đinh Thị Kim N1 (vợ của bị đơn ông Lê Văn H) đồng ý với quan điểm của ông H, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.061m², tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là do Công ty C2 (trước đây là Nông trường P) cấp cho tôi vào năm 1985. Sau khi được Nông trường cấp đất thì tôi và bố mẹ tôi là ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị N2 canh tác, sử dụng đất ổn định từ năm 1985. Đến năm 1994, tôi ở riêng nên để lại thửa đất trên cho bố mẹ sử dụng. Năm 1997, bố mẹ tôi tự ý

làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang ông Lê Văn L. Tại thời điểm bố tôi được cấp giấy chứng nhận tôi không biết. Do vậy, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P. Đề nghị Tòa án công nhận cho tôi Lê Văn D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là E, tỉnh Đắk Lắk). Trường hợp Tòa án xác định đây là di sản của bố tôi là ông L và mẹ bà N2 thì tôi từ chối nhận phần di sản mà tôi được hưởng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được chia 01 kỷ phần của ông Lê Văn L để lại tương đương với số tiền 333.333.000 đồng.

Đại điện theo ủy quyền của bị đơn: Đối với phần di sản của ông Lê Văn L, đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật cho nguyên đơn. Đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị N2, bị đơn không đồng ý chia cho ông Lê Văn D, đề nghị giao toàn bộ di sản của ông L và bà N2 cho ông Lê Văn H được quyền quản ý, sử dụng. Đồng thời, đề nghị HĐXX có xem xét công sức quản lý, tôn tạo tài sản cho bị đơn ông Lê Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D: Đề nghị HĐXX công nhận cho ông Lê Văn D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07. Trường hợp HĐXX xác định thửa đất số 47 là di sản thừa kế của ông L và bà N2 để lại thì ông D đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế của mình theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 165, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

1.1 Xác định thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích đo đạc thực tế 1.060m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 825838 do UBND huyện K cấp ngày 23/10/2000 cho hộ ông Lê L, đã được cấp đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 014122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/9/2019 cho ông Lê Văn H là di sản thừa kế của ông Lê Văn L (L) và bà Nguyễn Thị N2 để lại.

1.2 Giao cho ông Lê Văn H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích đo đạc thực tế 1.060m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 825838 do UBND huyện K cấp ngày 23/10/2000 cho hộ ông Lê L, đã được cấp đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 014122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/9/2019 cho ông Lê Văn H, có vị trí: Hướng Đông giáp đất ông G, cạnh dài 39,48m; Hướng Tây giáp đường, cạnh dài 38,77m; Hướng Nam giáp đất ông T1, cạnh dài 28,21m; Phía Bắc giáp đường, cạnh dài 26,22m và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, gồm có: 01 nhà xây cấp 4 diện tích 23,9m²; 01 Nhà xây cấp 4 diện tích 60,3m²; 01 Nhà gỗ diện tích 46,2m²; 01 Hàng rào; 02 Trụ cổng; 01 Cây Chôm chôm trồng năm 2020; 01 cây Vú sữa trồng năm 2018; 01 cây Chanh trồng năm 2015; 01 cây Cóc trồng năm 2022; 01 cây Khế trồng năm 2022; 01 cây Mít ghép trồng năm 2020; 01 cây Mít ghép trồng năm 2020; 02 cây Dừa trồng năm 2020; 01 cây Macca trồng năm 2020; 01 cây N4 trồng năm 2023; 01 cây Bơ trồng năm 2018; 01 cây Xoài trồng năm 2013; 01 cây Hồ tiêu trồng năm 2014; 09 cây Sầu riêng ghép trồng năm 2018; 02 cây Sầu riêng ghép trồng năm 2021; 01 cây Sầu riêng trồng năm 2023.

1.3 Ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị P số tiền: 333.333.000 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

1.4 Ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn D số tiền: 750.000.000 đồng (B trăm năm mươi triệu đồng).

1.5 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P1 với số tiền 416.667.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, xét xử theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện độc lập công nhận cho ông Lê Văn D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là E, tỉnh Đắk Lắk), trường hợp không chấp nhận thì chia cho ông D 02 kỷ phần thừa kế vì tài sản chia thừa kế có nguồn gốc là của ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D, thấy:

Ông Lê Văn L, sinh năm 1923 (tên gọi khác là Lê L, sinh năm 1922) và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1930, chung sống với nhau từ năm 1954. Quá trình chung sống ông L và bà N2 có 07 người con, bao gồm: Ông Lê Văn S, sinh năm 1954; bà Lê Thị H1, sinh năm 1956; ông Lê Văn D, sinh năm 1957; bà Lê Thị T, sinh năm 1961; bà Lê Thị K, sinh năm 1966; bà Lê Thị H2, sinh năm 1964 và ông Lê Văn H, sinh năm 1974. Nguyên đơn bà Lê Thị P, sinh năm 1946 là con riêng của ông Lê Văn L và bà Hoàng Thị X (bà X chết năm 1954). Ông Lê Văn L chết năm 2005, bà Nguyễn Thị N2 chết năm 2013, đều không để lại di chúc.

Ngày 23/10/2000, hộ ông Lê L được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 825838 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.061m², tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nguồn gốc diện tích đất trên là được Nông trường cà phê Tháng 10 cấp cho hộ ông L. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L, bà N2 đã quản lý, sử dụng ổn định thửa đất trên. Do đó, có cơ sở xác định thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích đo đạc thực tế 1.060m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 825838 do UBND huyện K cấp ngày 23/10/2000 cho hộ ông Lê L, đã được cấp đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 014122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/9/2019 cho ông Lê Văn H là di sản thừa kế của ông Lê Văn L (L) và bà Nguyễn Thị N2 để lại. Việc ông D cho rằng thửa đất trên có nguồn gốc nông trường P cấp cho ông vào năm 1985 nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh, do đó lời khai của ông D là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thỏa thuận giá trị thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07 là 6.000.000.000 đồng. Do đó đối với phần di sản thừa kế của ông Lê Văn L có giá trị 3.000.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chia làm 9 kỷ phần cho các đồng thừa kế, bao gồm: Bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị P1, ông Lê Văn S, bà Lê Thị H1, ông Lê Văn D, bà Lê Thị T, bà Lê Thị K, bà Lê Thị H2 và ông Lê Văn H, mỗi người được nhận một kỳ phần thừa kế bằng nhau có giá trị 333.333.000 đồng (làm tròn) là phù hợp.

Đối với phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N2 có giá trị 3.333.333.000 đồng. Nhận thấy, sau khi bà N2 chết, ông Lê Văn H là người quản lý, sử dụng, tôn tạo thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07 nên cần xem xét công sức đóng góp của ông H trong việc giữ gìn, tôn tạo di sản. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Án lệ số 05/2016/AL, HĐXX trích công sức cho ông Lê Văn H tương đương với một kỷ phần thừa kế của bà N2. Như vậy, di sản thừa kế của bà N2 được chia làm 8 kỷ

phần cho các đồng thừa kế sau: Ông Lê Văn S, bà Lê Thị H1, ông Lê Văn D, bà Lê Thị T, bà Lê Thị K, bà Lê Thị H2 mỗi người được nhận một kỹ phần thừa kế bằng nhau có giá trị 416.667.000 đồng (làm tròn). Ông Lê Văn H được nhận một kỷ phần và công sức giữ gìn, tôn tạo di sản (tương đương với một kỷ phần), có tổng giá trị: 416.667.000 đồng + 416.667.000 đồng = 833.334.000 đồng là có căn cứ.

Bà Lê Thị P yêu cầu được nhận phần giá trị một kỳ phần thừa kế của ông Lê Văn L; giao di sản thừa kế của ông Lê Văn L cho ông Lê Văn H quản lý, sử dụng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông H thanh toán cho bà P số tiền: 333.333.000 đồng là phù hợp.

Các ông, bà Lê Văn S, Lê Thị H1, Lê Thị T, Lê Thị K, Lê Thị H2, tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần thừa kế của các ông, bà được hưởng của ông L và bà N2 cho ông Lê Văn H được quyền quản lý, sử dụng nên không xem xét.

Đối với kỷ phần ông Lê Văn D được hưởng của ông L và bà N2 không đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đ quy định hạn mức một số loại đất; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Do đó cấp sơ thẩm giao toàn bộ di sản thừa kế của ông L và bà N2 cho ông Lê Văn H được quyền quản lý, sử dụng, buộc ông Lê Văn H phải thanh toán cho ông Lê Văn D tổng số tiền: 333.333.000 đồng + 416.667.000 đồng = 750.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn D, cần giữu nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 12//2025 của Toà án nhân dân thành phố nhân dân khu vực 4, tỉnh Đắk Lắk .

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 165, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

1.1 Xác định thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích đo đạc thực tế 1.060m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 825838 do UBND huyện K cấp ngày 23/10/2000 cho hộ ông Lê L, đã được cấp đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 014122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/9/2019 cho ông Lê Văn H là di sản thừa kế của ông Lê Văn L (L) và bà Nguyễn Thị N2 để lại.

1.2 Giao cho ông Lê Văn H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 07, diện tích đo đạc thực tế 1.060m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 825838 do UBND huyện K cấp ngày 23/10/2000 cho hộ ông Lê L, đã được cấp đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 014122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/9/2019 cho ông Lê Văn H, có vị trí: Hướng Đông giáp đất ông G, cạnh dài 39,48m; Hướng Tây giáp đường, cạnh dài 38,77m; Hướng Nam giáp đất ông T1, cạnh dài 28,21m; Phía Bắc giáp đường, cạnh dài 26,22m và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, gồm có: 01 nhà xây cấp 4 diện tích 23,9m²; 01 Nhà xây cấp 4 diện tích 60,3m²; 01 Nhà gỗ diện tích 46,2m²; 01 Hàng rào; 02 Trụ cổng; 01 Cây Chôm chôm trồng năm 2020; 01 cây Vú sữa trồng năm 2018; 01 cây Chanh trồng năm 2015; 01 cây Cóc trồng năm 2022; 01 cây Khế trồng năm 2022; 01 cây Mít ghép trồng năm 2020; 01 cây Mít ghép trồng năm 2020; 02 cây Dừa trồng năm 2020; 01 cây Macca trồng năm 2020; 01 cây N4 trồng năm 2023; 01 cây Bơ trồng năm 2018; 01 cây Xoài trồng năm 2013; 01 cây Hồ tiêu trồng năm 2014; 09 cây Sầu riêng ghép trồng năm 2018; 02 cây Sầu riêng ghép trồng năm 2021; 01 cây Sầu riêng trồng năm 2023.

1.3 Ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị P số tiền: 333.333.000 đồng *(Ba trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng)*.

1.4 Ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn D số tiền: 750.000.000 đồng *(B trăm năm mươi triệu đồng)*.

1.5 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P1 với số tiền 416.667.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1 Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn H phải chịu 69.500.000 đồng *(Sáu mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.2 Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn H chịu 2.800.000 đồng *(Hai triệu tám trăm ngàn đồng)* chi phí tố tụng. Bà Lê Thị P phải chịu 2.800.000 đồng chi phí tố tụng. Bà Lê Thị P được nhận lại 2.800.000 đồng tiền chi phí tố tụng sau khi thu được của ông Lê Văn H.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 4;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Hà